

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 173/2026/HS-ST

Ngày: 30/01/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Chính

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khắc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 626/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Ngô Kim S, sinh năm 1973; giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: xóm T, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An); nơi ở hiện tại: không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Ngô Kim Đ (chết) và bà Thái Thị M; vợ Nguyễn Thị S1, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1994 và con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 25/12/2018, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 392/2018/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2019; nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 12/02/2019.

- Ngày 31/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số

559/2021/HS-ST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2023; chưa chấp hành nghĩa vụ nộp án phí.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15/3/2025 (có mặt).

2. Phan Trọng T, sinh năm 1996; giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: xóm A, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An); nơi ở hiện tại: E đường F, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Phan Trọng H và bà Trần Thị H1; vợ Nguyễn Thị L, bị cáo có 01 con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 11/11/2021, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 442/2021/HS-ST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2022; nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm ngày 08/5/2025;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15/3/2025 (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Hòa Ngọc T1, sinh năm 2002

Địa chỉ: Căn hộ B Chung cư B, đường số A, khu phố B, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Anh Bùi Ngọc T2, sinh năm 1972

Địa chỉ: Căn hộ B Chung cư B, đường số A, khu phố B, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Chị Trần Thị Xuân H2, sinh năm 2005

Địa chỉ: Chung cư C, đường M, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Anh Huỳnh Thanh P, sinh năm 2004

Địa chỉ: Chung cư C, đường M, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH D

Địa chỉ: D đường số B, Khu N, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2. Chi nhánh Công ty TNHH D1 tại Đồng Nai.

Địa chỉ: Số I đường T, ấp T, phường H, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H3, sinh năm 1963 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/02/2025, anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1970) là bảo vệ tại bãi giữ xe tầng hầm Blok B Chung cư B, địa chỉ: Đường số A, khu phố B, phường L, thành phố T (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện hai đối tượng nam lần lượt điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen, biển số 53Y1 – 005.68 và xe mô tô hiệu Honda Wave A, màu đỏ, biển số 59SA- 202.31 từ trong bãi xe chạy ra ngoài không xuất trình thẻ xe, phóng nhanh tẩu thoát. Kiểm tra lại, anh C xác định hai xe trên đã bị trộm nên thông báo cho chủ sở hữu là anh Bùi Ngọc T2 (sinh năm 1972) và anh Hỏa Ngọc T1 (sinh năm 2002) biết. Đến ngày 24/02/2025, anh T2 và anh T1 mới đến Công an phường L (nay là phường L) trình báo sự việc.

Tiếp nhận tin báo, Tổ địa bàn thành phố T thuộc Phòng C1 Công an Thành phố H phối hợp với Công an phường L (nay là Công an phường L) tiến hành truy xét và đưa Phan Trọng T và Ngô Kim S về làm việc để điều tra làm rõ hành vi trộm cắp hai xe mô tô nêu trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Phan Trọng T và Ngô Kim S khai nhận: Do cần tiền tiêu xài, khoảng 18 giờ ngày 18/02/2025, T rủ S đi trộm cắp tài sản tại Chung cư B thuộc đường số A, phường L, thành phố T (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), S đồng ý. T và S thuê anh Hoàng Văn T3 (chạy xe ôm truyền thống) chở từ B thuộc phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) đến gần Chung cư B, sau đó cả hai đi bộ đến cổng Chung cư B, T3 bảo S đi lên tầng 3 hoặc tầng 4 chờ, còn T3 đi xuống bãi giữ xe tầng hầm Block B tìm xe lấy trộm, T3 phát hiện xe mô tô hiệu Honda Wave A, màu đỏ, biển số 59SA-202.31 của anh Bùi Ngọc T2 không khóa cở xe nên T2 dùng hai tay đầu dây điện cho xe nổ máy. Sau đó, T2 đi bộ lên tầng 4 gặp S nói “Xe em bẻ khóa rồi, anh xuống lấy chạy ra ngoài trước đi”, rồi cả hai cùng đi xuống bãi xe. Tại đây, T2 nói “Chờ em, em bẻ thêm một xe nữa rồi hai anh em ra một lần thôi”, T2 đến gần xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen, biển số 93Y1-005.68 của anh Hỏa Ngọc T1 cũng với thủ đoạn tương tự, T2 nổ máy xe rồi tăng ga tẩu thoát ra khỏi cổng bảo vệ bãi xe trước. S thấy vậy cũng điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave A, màu đỏ, biển số 59SA-202.31 tẩu thoát theo sau.

Sau khi lấy trộm được hai xe trên, T2 và S điều khiển xe đến điểm hẹn tại gốc cây số 337 khu N, khu phố A, phường B, thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) bán cho người tên L1 (không rõ lai lịch) với tổng số tiền 14.500.000 đồng. T2 chia cho S 7.000.000 đồng, số tiền còn lại T2 tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài thực hiện vụ trộm cắp tài sản trên, T2 và S còn khai nhận thực hiện một vụ trộm khác, cụ thể: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/01/2025, T2 rủ S đi trộm cắp tài sản tại Chung cư C trên đường M, phường T, thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), S đồng ý. T2 và S thuê xe mô tô công nghệ G chở từ bến xe Lam Hồng đến số D đường M, phường T, thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì dừng lại và cả hai đi bộ đến Chung cư C. Tại đây, T2 đi bộ vào bãi giữ xe tầng hầm Chung cư C6 tìm tài sản lấy trộm, còn S ngồi uống cà phê bên ngoài chờ. Khi vào bên trong bãi giữ xe, T2 phát hiện xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ đen bạc, biển số 86B3-908.79 của chị Trần Thị Xuân H2 (sinh năm 2005) và 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen, biển số 47B3-002.91 của anh Huỳnh Thanh P (sinh năm 2004) khuất tầm nhìn của bảo vệ. T2 tiến đến gần chiếc xe mô tô biển số 86B3-908.79 dùng hai tay đầu dây điện cho xe nổ máy, sau đó T2 điện thoại cho S đi vào bên trong bãi giữ xe để điều khiển xe mô tô biển số 86B3-908.79 tẩu thoát trước và mang đến điểm hẹn tại 417 đường M, phường T, thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) giao xe cho người tên L1 (không rõ lai lịch), còn T2 tiếp cận xe mô tô biển số 47B3-002.91 đầu dây điện nổ máy điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, T2 điều khiển xe trên đến điểm hẹn đón S. T2 và S điều khiển xe mô tô biển số 47B3-002.91 đến khu N, khu phố A, phường B, thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) giao xe trên cho L1. L1 mua 02 xe mô tô trên với tổng số tiền là 10.500.000 đồng. T2 chia cho S 5.000.000 đồng, số tiền còn lại T2 tiêu xài cá nhân hết.

Sau sự việc xảy ra, chị Trần Thị Xuân H2 và anh Huỳnh Thanh P đến Công an phường T, thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) trình báo sự việc trên. Lời khai của chị H2 và anh P phù hợp với lời khai của T2 và S và các tài liệu có trong hồ sơ.

Kết luận định giá tài sản số: 80/KV3/KL-HĐĐGTS ngày 05/03/2025 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave A, màu đỏ, biển số 59SA-202.31 có trị giá 15.367.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen, biển số 93Y1-005.68 có trị giá 25.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 116-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 16/6/2025 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số 86B3-908.79 trị giá là 8.070.000 đồng và 01 xe mô tô Honda Future, màu đen, biển số 47B3-002.91 trị giá 26.800.000 đồng.

Tổng trị giá các tài sản bị chiếm đoạt: 75.737.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Oppo A3 màu đen đã qua sử dụng (thu giữ của Ngô Kim S);

- 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Samsung Galaxy M11, màu xanh, đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Trọng T);

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave A, màu đỏ, biển số 59SA-202.31; 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen, biển số 93Y1-005.68; 01 xe mô tô Honda Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số 86B3-908.79 và 01 xe mô tô Honda Future, màu đen, biển số 47B3-002.91 (tất cả không thu hồi được);

- 02 USB lưu giữ hình ảnh Ngô Kim S, Phan Trọng T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản;

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hòa Ngọc T1 yêu cầu bồi thường số tiền 24.000.000 đồng; anh Bùi Ngọc T2 yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000 đồng; chị Trần Thị Xuân H2 yêu cầu bồi thường số tiền 24.000.000 đồng và anh Huỳnh Thanh P yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

[2] Bản cáo trạng số 213/CT-VKSKV2 ngày 09/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Ngô Kim S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; bị cáo Phan Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

[3] Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Ngô Kim S, Phan Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ áp dụng điểm c, g Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Kim S với mức án tù 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù;

+ áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Phan Trọng T với mức án tù 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù;

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Ngô Kim S, Phan Trọng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và các bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm về với gia đình và tái hòa nhập cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T (nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H), Điều tra

viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Do không có tiền tiêu xài nên vào ngày 18/02/2025, Phan Trọng T và Ngô Kim S có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda Wave A, màu đỏ, biển số 59SA-202.31 có trị giá 15.367.000 đồng của anh Bùi Ngọc T2 và 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen, biển số 93Y1-005.68 có trị giá 25.500.000 đồng của anh Hòa Ngọc T1 tại Chung cư B thuộc đường số A, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ngày 23/01/2025, T2 và S có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô Honda Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số 86B3-908.79 có trị giá 8.070.000 đồng của chị Trần Thị Xuân H2 và 01 xe mô tô Honda Future, màu đen, biển số 47B3-002.91 có trị giá 26.800.000 đồng của anh Huỳnh Thanh P tại Chung cư C trên đường M, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng trị giá các tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 75.737.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Ngô Kim S đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c, g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Hành vi của bị cáo Phan Trọng T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Kim S và Phan Trọng T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Việc các bị cáo trong khoảng thời gian ngắn đã thực hiện nhiều lần phạm tội, trong đó bị cáo S phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử

áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo Ngô Kim S và Phan Trọng T đã thực hiện 04 lần hành vi phạm tội nên thuộc tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Đối với người tên L1 (không rõ lai lịch) là người mua các xe trên của Phan Trọng T và Ngô Kim S, quá trình điều tra do chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra xác minh xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Oppo A3 màu đen đã qua sử dụng (thu giữ của Ngô Kim S); 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu S2 M11, màu xanh, đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Trọng T); Hội đồng xét xử tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước;

- 02 USB lưu giữ hình ảnh Ngô Kim S, Phan Trọng T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; là chứng cứ trực tiếp nên cần được lưu vào trong hồ sơ vụ án;

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong vụ án này về nguyên tắc Hội đồng xét xử xét bị hại trong vụ án là Công ty TNHH D và Chi nhánh Công ty TNHH D1 tại Đồng Nai. Tuy nhiên trong quá trình điều tra đã thỏa thuận được về việc các chủ sở hữu là anh Hỏa Ngọc T1, anh Bùi Ngọc T2, chị Trần Thị Xuân H2 và anh Huỳnh Thanh P yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử xác định các anh Hỏa Ngọc T1, anh Bùi Ngọc T2, chị Trần Thị Xuân H2 và anh Huỳnh Thanh P là bị hại trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Anh Hỏa Ngọc T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 24.000.000 đồng; anh Bùi Ngọc T2 yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000 đồng; chị Trần Thị Xuân H2 yêu cầu bồi thường số tiền 24.000.000 đồng và anh Huỳnh Thanh P yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Ngô Kim S và Phan Trọng T đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá;

Hội đồng xét xử xét: Kết luận định giá tài sản số: 80/KV3/KL-HĐĐGTS ngày 05/03/2025 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave A, màu đỏ, biển số 59SA-202.31 có trị giá 15.367.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen, biển số 93Y1-005.68 có trị giá 25.500.000 đồng;

Kết luận định giá tài sản số 116-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 16/6/2025 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số 86B3-908.79 trị giá là

8.070.000 đồng và 01 xe mô tô Honda Future, màu đen, biển số 47B3-002.91 trị giá 26.800.000 đồng;

Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo Ngô Kim S, Phan Trọng T chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Hỏa Ngọc T1 số tiền 25.500.000 đồng; bồi thường cho anh Bùi Ngọc T2 số tiền 15.367.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị Xuân H2 số tiền 8.070.000 đồng; bồi thường cho anh Huỳnh Thanh P số tiền 26.800.000 đồng, tổng cộng 75.737.000 đồng.

Chia phần cụ thể các Ngô Kim S và Phan Trọng T mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Hỏa Ngọc T1 số tiền 12.750.000 đồng; anh Bùi Ngọc T2 số tiền 7.683.500 đồng; chị Trần Thị Xuân H2 số tiền 4.035.000 đồng; anh Huỳnh Thanh P số tiền 13.400.000 đồng, tổng cộng 37.868.500 (ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm) đồng.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Kim S và Phan Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm c, g Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025:

Xử phạt bị cáo Ngô Kim S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2025.

3. Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025:

Xử phạt bị cáo Phan Trọng T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2025.

4. Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Ngô Kim S và Phan Trọng T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Hỏa Ngọc T1 số tiền 25.500.000 đồng; bồi thường cho anh Bùi Ngọc T2 số tiền 15.367.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị Xuân H2 số tiền 8.070.000 đồng; bồi thường cho anh Huỳnh Thanh P số tiền 26.800.000 đồng, tổng cộng 75.737.000 đồng.

Chia phần cụ thể buộc bị cáo Ngô Kim S bồi thường cho anh Hỏa Ngọc T1 số tiền 12.750.000 đồng; anh Bùi Ngọc T2 số tiền 7.683.500 đồng; chị Trần Thị Xuân H2 số tiền 4.035.000 đồng; anh Huỳnh Thanh P số tiền 13.400.000 đồng, tổng cộng 37.868.500 (ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm) đồng.

Bị cáo Phan Trọng T bồi thường cho anh Hỏa Ngọc T1 số tiền 12.750.000 đồng; anh Bùi Ngọc T2 số tiền 7.683.500 đồng; chị Trần Thị Xuân H2 số tiền 4.035.000 đồng; anh Huỳnh Thanh P số tiền 13.400.000 đồng, tổng cộng 37.868.500 (ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Oppo A3 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu S2 M11, màu xanh;

(Theo Phiếu nhập kho số PNK26/2-143 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

6. Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các bị cáo Ngô Kim S, Phan Trọng T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.893.425 (một triệu tám trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Các bị cáo Ngô Kim S, Phan Trọng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP . HCM;
- Cơ quan CSĐT Công an TP . HCM;
- Phân trại tạm giam Cát Lái - Trại tạm giam Bồ Lá - Công an TP . HCM;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. HCM;
- THADS TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu

